

Số: 159 /BC-TCKH

Phan Rang-Tháp Chàm, ngày 10 tháng 7 năm 2024

BÁO CÁO

Công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán Ngân sách địa phương quý II năm 2024

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 705/QĐ-UBND ngày 14/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024 cho các huyện, thành phố;

Căn cứ Quyết định số 706/QĐ-UBND ngày 14/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc phân bổ kinh phí sự nghiệp thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2024 và giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2024 cho các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố kinh phí sự nghiệp (ngân sách trung ương bổ sung và ngân sách cấp tỉnh đối ứng) thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 223/NQ-HĐND ngày 19/12/2023 của Hội đồng nhân dân thành phố về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu - chi ngân sách địa phương năm 2024;

Trên cơ sở tình hình thực hiện dự toán ngân sách địa phương quý I năm 2024, Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố thực hiện công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách địa phương quý II năm 2024 như sau:

1. Tình hình thực hiện thu ngân sách nhà nước trên địa bàn quý II năm 2024:

Tổng thu ngân sách nhà nước quý II năm 2024 trên địa bàn là 196.120 triệu đồng, so với dự toán Hội đồng nhân dân thành phố giao đạt 45,17% (196.120 triệu đồng/434.183 triệu đồng)

Tổng thu ngân sách thành phố quý II năm 2024: 432.100 triệu đồng. Sau khi trừ thu chuyển nguồn và kết dư năm 2023 (151.612 triệu đồng) thu ngân sách thành phố so với dự toán Hội đồng nhân dân thành phố giao đạt 33,28% (280.488 triệu đồng/872.780 triệu đồng).

2. Tình hình thực hiện chi ngân sách địa phương quý II năm 2024:

Chi cân đối ngân sách địa phương quý II năm 2024: 195.410 triệu đồng, đạt 25,03% dự toán Hội đồng nhân dân thành phố giao (195.410 triệu đồng/780.848 triệu đồng), trong đó chi đầu tư thực hiện 33.044 triệu đồng, đạt 26% dự toán Hội đồng nhân dân thành phố giao (33.044 triệu đồng /133.293 triệu đồng), chi thường xuyên thực hiện 161.366 triệu đồng, đạt 25% dự toán Hội đồng nhân dân thành phố giao (161.366 triệu đồng /633.044 triệu đồng).

3. Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ Ngân sách tỉnh bổ sung cho Ngân sách thành phố là 23.555 triệu đồng, đạt 26% dự toán giao đầu năm (23.555 triệu đồng/91.932 triệu đồng)

Chi tiết theo các biểu mẫu số 93,94,95/CK-NSNN đính kèm.

Nơi nhận:

- UBND TP (b/c);
- Sở Tài chính NT;
- Đăng trên cổng thông tin điện tử TP;
- Lưu: VT.



Lê Hoàng Chương

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN QUÝ II NĂM 2024

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý II năm 2024	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3 = 2/1	4
A	TỔNG SỐ THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	434.183	196.120	45,17%	150,09%
I	Thu cân đối NSNN	434.183	196.120	45,17%	150,09%
1	Thu nội địa	434.183	196.120	45,17%	142,25%
2	Thu viện trợ				
II	Thu các khoản huy động đóng góp				
B	THU NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ	872.780	432.100	49,51%	179,63%
I	Thu ngân sách Thành phố hưởng theo phân cấp	362.283	144.312	39,83%	117,23%
1	Các khoản thu ngân sách Thành phố hưởng 100%	362.283	144.312	39,83%	124,59%
2	Các khoản thu phân chia ngân sách thành phố hưởng theo tỷ lệ phần trăm (%)				
II	Thu bổ sung từ ngân sách Tỉnh	510.497	136.175	26,68%	119,35%
1	Bổ sung cân đối	418.565	104.640	25,00%	127,49%
2	Bổ sung để thực hiện cải cách tiền lương				
3	Bổ sung có mục tiêu	91.932	31.535	34,30%	226,22%
III	Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên				
IV	Thu chuyển nguồn		151.459		81,74%
V	Thu kết dư		153		
VI	Thu quản lý qua ngân sách				
C	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	872.780	218.965	25,09%	102,25%
I	Chi đầu tư phát triển	133.293	34.044	25,54%	49,89%
II	Chi thường xuyên	633.044	161.366	25,49%	117,23%
III	Dự phòng ngân sách	14.511			
IV	Chi từ nguồn thu để lại qua ngân sách	0	0		
V	Chi các chương trình mục tiêu	91.932	23.555	25,62%	285,41%

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
QUÝ II NĂM 2024

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý II	So sánh ước thực hiện	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	I	2	3 = 2/I	4
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	434.183	196.120	45%	142%
I	Thu nội địa	434.183	196.120	45%	142%
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước	5.000	596	12%	141%
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài				
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	92.283	29.552	32%	163%
4	Thuế thu nhập cá nhân	32.000	11.567	36%	206%
5	Thuế bảo vệ môi trường				
6	Lệ phí trước bạ	72.600	16.238	22%	121%
7	Thu phí, lệ phí	12.100	2.667	22%	125%
	- Phí, lệ phí do cơ quan nhà nước trung ương thu	4.400	1.840	42%	141%
	- Phí, lệ phí do cơ quan nhà nước địa phương thu	7.700	827	11%	132%
8	Các khoản thu về nhà, đất	199.700	127.775	64%	148%
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp				
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	3.800	1.248	33%	134%
	- Thu tiền sử dụng đất	175.000	112.745	64%	145%
	+ Ngân sách tỉnh	55.000	46.322	84%	
	+ Ngân sách huyện, thành phố	120.000	66.423	55%	
	- Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	20.900	13.781	66%	184%
	- Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước				
9	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết				
10	Thu khác ngân sách	19.000	7.568	40%	117%
	+ Ngân sách trung ương	12.500	3.442	28%	79%
	+ Ngân sách huyện, thành phố	6.500	4.126	63%	95%
11	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản				
12	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác (Các khoản thu tại xã)	1.500	158	11%	4%
II	Thu viện trợ				
III	Các khoản huy động, đóng góp				0%
B	THU NGÂN SÁCH HUYỆN ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	362.283	144.312	40%	125%
1	Từ các khoản thu phân chia				
2	Các khoản thu ngân sách huyện được hưởng 100%	362.283	144.312	40%	125%

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN QUÝ II NĂM 2024

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý II	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3 = 2/1	4
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	872.780	218.965	25%	102%
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN	780.848	195.410	25%	95%
I	Chi đầu tư phát triển	133.293	34.044	26%	50%
1	Chi đầu tư cho các dự án	133.293	34.044	26%	50%
2	Chi đầu tư phát triển khác				
II	Chi thường xuyên	633.044	161.366	25%	117%
	<i>Trong đó:</i>				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	304.005	72.613	24%	118%
2	Chi khoa học và công nghệ				
3	Chi y tế, dân số và gia đình	19.739	6.003	30%	122%
4	Chi văn hoá thông tin	1.070	122	11%	16%
5	Chi phát thanh, truyền hình	2.899	816	28%	
6	Chi thể dục thể thao	528	63	12%	
7	Chi bảo vệ môi trường	49.000	17.014	35%	79%
8	Chi hoạt động kinh tế	58.958	19.176	33%	80%
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	97.930	26.515	27%	308%
10	Chi bảo đảm xã hội	69.726	12.985	19%	99%
11	Chi khác ngân sách	1.815	0	0%	0%
12	Giữ nguồn 10% tiết kiệm và nguồn cải cách tiền lương	7.940			
III	Dự phòng ngân sách	14.511		0%	
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN	91.932	23.555	26%	285%
1	Chương trình mục tiêu quốc gia	10.764	3.733	35%	
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư	52.500	14.500	28%	
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên	28.668	5.322	19%	64%
C	Chi từ nguồn thu để lại quản lý qua ngân sách				
D	Chi nộp ngân sách cấp trên				